

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
trong xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày
26/11/2014 của Chính phủ về quản lý nhà nước về hợp tác pháp luật

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật (Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp gắn liền với quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước. Song hành cùng với hội nhập về ngoại giao, hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập về an ninh, chính trị, hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp làm cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam được toàn diện hơn, tạo cơ sở pháp lý cho hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác của Việt Nam. Quá trình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 08/8/1995 về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính, tiếp theo đó là Chỉ thị số 39-CT/TW (thay thế Chỉ thị số 57-CT/TW) ngày 09/12/2009 về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Trên cơ sở 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 20/5/2020, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 73-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW với những yêu cầu, định hướng, quan điểm chỉ đạo đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong bối cảnh tình hình mới. Theo đó, cần tiếp tục tăng cường, đổi mới hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, thực hiện các giải pháp để đảm bảo an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, giao Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị cũng đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới cho công tác đối ngoại nói chung và công tác hợp tác

quốc tế về pháp luật và tư pháp nói riêng. Trong đó, trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tại Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 đã chỉ rõ *“Tiếp tục đổi mới hợp tác quốc tế về pháp luật theo hướng chủ động, tích cực, tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất lượng công tác hợp tác quốc tế về pháp luật. Nghiên cứu giải pháp gia tăng sự hiện diện của chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các thiết chế luật pháp quốc tế”*. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra nhiệm vụ *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa”*.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực hiện nay, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền không thể không gắn với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước để vừa hỗ trợ cho quá trình hội nhập quốc tế lại vừa tranh thủ, khai thác những lợi thế mà hội nhập quốc tế mang lại. Hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cần tiếp tục được quan tâm quản lý và thúc đẩy thực hiện để bảo đảm hiệu quả, đúng định hướng và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để thực hiện các chủ chương, định hướng của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 để hoàn thiện một bước cơ sở pháp lý cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật. Qua gần 9 năm thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP đã đạt được những kết quả nhất định như quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật được tăng cường, đi vào nền nếp; hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương bám sát, phù hợp với định hướng, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, qua đó đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật và tư pháp, trình độ hiểu biết cũng như kỹ năng của các chuyên gia pháp luật Việt Nam đã được nâng lên đáng kể, tiếp cận được với những kiến thức, kinh nghiệm quốc tế phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Hợp tác quốc tế về pháp luật cũng giúp bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về hệ thống pháp luật Việt Nam, ủng hộ những nỗ lực hoàn thiện pháp luật và cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP còn chưa phù hợp và việc triển khai thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa rõ ràng, chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng; chưa quy định cụ thể nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nên gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan tổ chức khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế cũng như cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này;

- Quy trình, thủ tục thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bị trùng lặp hoặc không còn phù hợp do đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như việc lập, phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án về pháp luật có sử dụng nguồn vốn ODA.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật chưa được rõ ràng, cụ thể, chủ yếu gắn với trách nhiệm về quản lý, sử dụng vốn ODA mà chưa gắn với những yêu cầu về bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Từ những kết quả đạt được, tồn tại hạn chế, cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý nêu trên, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp, căn cứ quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP là cần thiết nhằm đảm bảo cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong đó chú trọng thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, đảm bảo an ninh trật tự và phòng ngừa những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật. Đồng thời tranh thủ, khai thác hiệu quả những lợi ích mà hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp mang lại phục vụ cho quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, thi hành pháp luật và cải cách tư pháp của đất nước ta.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 54/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP hướng tới các mục tiêu sau:

2.1. Đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất, tính tương thích của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.2. Bám sát phương châm hành động, trọng tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, cải cách tư pháp, đảm bảo hiệu quả, thực chất gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp theo các định hướng của Đảng và Nhà nước.

2.3. Đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP; bám sát kết quả tổng kết thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP cũng như thực tiễn quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật thời gian qua.

2.4. Đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong đề xuất, quyết định, tổ chức và quản lý thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc, định hướng của Đảng và Nhà nước.

2.5. Minh bạch, cụ thể, thống nhất, dễ hiểu về ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản trong dự thảo Nghị định.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Bổ sung phạm vi quản lý của Nghị định đối với hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài; đồng thời quy định cụ thể các hình thức, nội dung hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp theo hướng không chỉ hạn chế trong khuôn khổ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW, Chính phủ (trong đó Bộ Tư pháp được giao giúp Chính phủ) có trách nhiệm quản lý nhà nước về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp. Tuy nhiên, Nghị định số 113/2014/NĐ-CP mới chỉ quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật.

- Các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp được đề cập trong Chỉ thị số 39-CT/TW không bị hạn chế bởi hình thức/khuôn khổ hợp tác hay nội dung hoạt động. Trong khi đó, Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chỉ xác định phạm vi quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế trong công tác xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về pháp luật trong khuôn khổ chương trình, dự án hoặc viện trợ phi dự án. Vì thế, vẫn còn một số hoạt động hợp tác quốc tế phổ biến, được triển khai thực

hiện nhiều trong những năm qua nằm ngoài khuôn khổ các chương trình, dự án, phi dự án¹ chưa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bổ sung quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài để bao quát nội dung, yêu cầu quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này quy định tại Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW.

- Quy định cụ thể về nội dung và hình thức các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp để phù hợp với thực tiễn triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế của các cơ quan, tổ chức trong thời gian qua và bảo đảm phù hợp với Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) *Giải pháp 1:* Giữ nguyên như quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

b) *Giải pháp 2:*

- Bổ sung quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài;

- Quy định cụ thể về nội dung và hình thức các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp như sau:

Nội dung hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định tại Nghị định này bao gồm các lĩnh vực sau: a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; b) Tổ chức thi hành pháp luật bao gồm phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; c) Đào tạo và bồi dưỡng pháp luật; d) Cải cách tư pháp bao gồm hoàn thiện mô hình tổ tụng, tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án, hỗ trợ tư pháp; bồi dưỡng, nâng cao năng lực các chức danh tư pháp và nghề tư pháp;

Hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định tại Nghị định này bao gồm các hình thức sau: a) Ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; b) Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án; c) Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế nhằm chia sẻ, nâng cao kiến thức, năng lực trong xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, cải cách tư pháp, đào tạo và bồi dưỡng pháp luật.

Dự thảo Nghị định tập trung điều chỉnh các nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp mang tính phổ biến, được triển khai nhiều

¹ Ví dụ như hợp tác trong tổ chức các sự kiện thông tin, phổ biến về pháp luật (theo hình thức thực hiện không phải là hội nghị, hội thảo quốc tế), ký kết thỏa thuận hợp tác về pháp luật (mà nội dung hoạt động không phải là xây dựng pháp luật), trao đổi chuyên gia; cử đại diện tham gia làm việc tại các cơ chế hợp tác đa phương về pháp luật và cải cách tư pháp; cung cấp dự án ODA về pháp luật cho các đối tác nước ngoài, các hoạt động trực tuyến (sử dụng các website, trang mạng xã hội như facebook, tiktok)....

trong những năm qua và cần thiết phải áp dụng các quy định của Nghị định này để quản lý. Đối với những nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp không được quy định tại Nghị định này sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật khác có liên quan.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động kinh tế:

Tích cực: Nếu giữ nguyên như quy định hiện hành của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, theo đó các hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp và các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật ngoài khuôn khổ chương trình, dự án, phi dự án của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác đó không cần thiết phải tuân thủ các quy định của Nghị định 113/2014/NĐ-CP, không phát sinh các khoản phải chi trả liên quan đến việc thực hiện thủ tục xin ý kiến trước khi thực hiện hoạt động hợp tác, chia sẻ kết quả hoạt động sau khi thực hiện; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng không cần bỏ ra các khoản chi phí để quản lý việc thực hiện các hoạt động đó (đào tạo, tập huấn, kiểm tra,...).

- Tiêu cực: Không.

b) Tác động xã hội

- Tích cực: Công tác quản lý và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp không có sự thay đổi so với hiện nay.

- Tiêu cực: Việc giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP sẽ tiếp tục dẫn đến việc không thể chế hóa đầy đủ các chỉ đạo của Đảng tại Chỉ thị số 39-CT/TW, Kết luận số 73-KL/TW; Chính phủ không thống nhất quản lý được các hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp và một số hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật ngoài khuôn khổ chương trình, dự án, viện trợ phi dự án của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài theo các nguyên tắc, định hướng, yêu cầu của Đảng và các quy định trong Nghị định của Chính phủ. Điều đó dẫn đến những tiềm ẩn, nguy cơ phức tạp đối với các hoạt động hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp không được điều chỉnh bởi Nghị định số 113/2014/NĐ-CP

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không tạo ra sự xáo trộn, thay đổi trong hệ thống các quy định của pháp luật.

- Tiêu cực: Một số quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP sẽ không đồng bộ với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*

Không có tác động về thủ tục hành chính do các quy định của Nghị định 113/2014/NĐ-CP được giữ nguyên.

e) *Tác động về giới*

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

1.4.2. Giải pháp 2

a) *Tác động kinh tế*

- Tích cực: Các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp ngoài khuôn khổ chương trình, dự án, phi dự án của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài được Nhà nước quản lý hiệu quả sẽ dẫn đến những tác động tích cực đối với các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác vì thông qua các hoạt động hợp tác này sẽ nâng cao chất lượng nội dung chuyên môn, đội ngũ cán bộ được nâng cao kiến thức, kỹ năng trong xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật từ đó sẽ tham mưu được các quy định pháp luật phù hợp, khả thi, tiết kiệm được chi phí hành chính để thực hiện; đồng thời tiết kiệm được các chi phí phát sinh khi xử lý hậu quả trong trường hợp xảy ra sai sót do các hoạt động hợp tác không được quản lý theo giải pháp này.

- Tiêu cực: thực hiện theo giải pháp này, các hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp và các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật ngoài khuôn khổ chương trình, dự án, phi dự án của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này; các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác đó phải tuân thủ các quy định của Nghị định, do đó các cơ quan, tổ chức sẽ phát sinh các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện thủ tục xin ý kiến trước khi thực hiện hoạt động hợp tác, chia sẻ kết quả hoạt động sau khi thực hiện; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ phát sinh các khoản chi phí để quản lý việc thực hiện các hoạt động đó (đào tạo, tập huấn, kiểm tra,...). Tuy nhiên, những tác động này là không lớn, chi phí bỏ ra để thực hiện các quy định mới này sẽ không nhiều vì chỉ cần đào tạo, tập huấn ban đầu là có thể triển khai được.

b) *Tác động xã hội*

- Tích cực: Đảm bảo quy định của Nghị định phù hợp với những chỉ đạo của Ban Bí thư đã xác định rõ trong Chỉ thị số 39-CT/TW, Kết luận số 73-KL/TW. Phạm vi các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định được mở rộng sẽ giúp Chính phủ và

các cơ quan có thẩm quyền quản lý toàn diện hơn các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp, góp phần đảm bảo thực hiện nghiêm túc hơn trên thực tế các định hướng, nguyên tắc, yêu cầu của Đảng, quy định của pháp luật trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp, phòng ngừa và góp phần loại bỏ được những nguy cơ, tác động không mong muốn của hoạt động hợp tác quốc tế mang lại, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Tiêu cực: các cơ quan, tổ chức khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định sẽ phải cần dành nhiều thời gian, nguồn lực hơn cho công tác chuẩn bị, thực hiện các thủ tục cần thiết trước khi quyết định và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Các cơ quan được lấy ý kiến cũng sẽ phải đầu tư thời gian, nguồn nhân lực để thực hiện các yêu cầu theo quy định. Tuy nhiên, những sự đầu tư, chi phí bỏ ra này là cần thiết nhằm đảm bảo các mục tiêu, chủ trương, định hướng của Đảng trong công tác này.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Tích cực: Quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP nếu được thay thế sẽ phù hợp với định hướng, yêu cầu nêu tại Chỉ thị số 39-CT/TW, Kết luận số 73-KL/TW của Ban Bí thư và đồng bộ, thống nhất với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tiêu cực: Tạo ra sự thay đổi trong các quy định về quản lý về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Khi các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp ngoài khuôn khổ chương trình, dự án, phi dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định sẽ dẫn đến việc các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động này cần tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu và thủ tục xin ý kiến một số cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này khi triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác. Tuy nhiên, các nguyên tắc, yêu cầu và thủ tục này không phải là những quy định mới mà đều đã được quy định tại các văn bản chỉ đạo của Đảng và các văn bản pháp luật khác có liên quan, không tạo ra thủ tục hành chính mới. Quy định của Nghị định thay thế không tạo ra thủ tục hành chính mà chỉ làm rõ hơn các bước của quy trình, thủ tục đã được quy định tại các văn bản khác để phù hợp với những yêu cầu quản lý công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đã được Đảng đề ra.

e) Tác động về giới

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

1.5. Kiến nghị giải pháp được lựa chọn

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu có được cơ chế pháp lý hoàn thiện hơn về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp lựa chọn ***Giải pháp 2***, quy định theo hướng: bổ sung quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp của các cơ quan, tổ chức Việt Nam với nước ngoài; quy định cụ thể về nội dung và hình thức các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2. Chính sách 2. Hoàn thiện các nguyên tắc và quy định bổ sung tiêu chí/cơ sở để các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức quyết định đề xuất hợp tác và chịu trách nhiệm trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Nghị định số 113/2014/NĐ-CP đã quy định các nguyên tắc thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, tuy nhiên các nguyên tắc này chưa phản ánh được các yêu cầu, định hướng đặc thù đã được quy định tại các văn bản của Đảng về các hoạt động hợp tác quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nói riêng, trực tiếp là Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW.

- Ngoài quy định về nguyên tắc thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về tiêu chí làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về đề xuất hợp tác khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện quy định về nguyên tắc trong quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, đảm bảo bao quát được các nguyên tắc chung trong hợp tác quốc tế và thể hiện được tinh thần chỉ đạo cơ bản của Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW. Đồng thời nghiên cứu đưa ra các tiêu chí đối với đề xuất hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu của Kết luận số 73-KL/TW về việc “hoàn thiện quy trình công tác từ đề xuất, tham mưu, phê duyệt, tổ chức thực hiện đến tổng kết, đánh giá, khai thác, sử dụng hiệu quả, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp”.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

Giải pháp 2: Sửa đổi Nghị định số 113/2014/NĐ-CP theo hướng sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; bổ sung quy định về các yêu cầu cần phải có của các đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, bao gồm: 1. Mục đích, nội dung hợp tác rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; 2. Kết quả dự kiến của hoạt động hợp tác phù hợp với các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp và phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức; 3. Đối tác nước ngoài tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp có năng lực, chuyên môn phù hợp về nội dung hợp tác; 4. Dự kiến giải pháp đảm bảo các yêu cầu về an ninh trật tự, đối ngoại trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1

a) *Tác động kinh tế:* không có

b) *Tác động xã hội*

- Tích cực: Việc giữ nguyên Nghị định số 113/2014/NĐ-CP sẽ giúp các cơ quan, tổ chức không phải cập nhật các quy định mới. Việc quyết định và chịu trách nhiệm trong quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện như pháp luật hiện hành.

- Tiêu cực:

+ Các yêu cầu, định hướng đặc thù của công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được quy định tại Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW không được cụ thể hóa trong Nghị định của Chính phủ sẽ dẫn đến khả năng có nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp không biết và không tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, định hướng đó.

+ Không có quy định về các yêu cầu cần phải có của các đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, các cơ quan, tổ chức sẽ phải tự nghiên cứu, tổng hợp từ các văn bản của Đảng, quy định pháp luật có liên quan để xác định. Điều đó sẽ dẫn tới nguy cơ có các cách hiểu, cách áp dụng không thống nhất, thậm chí là không phù hợp về các tiêu chuẩn, yêu cầu đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

c) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Tích cực: Không tạo ra sự xáo trộn, thay đổi trong hệ thống các quy định của pháp luật.

- Tiêu cực:

+ Quy định về nguyên tắc trong Nghị định không được cập nhật, đặc biệt là các yêu cầu, định hướng đặc thù đã được xác định tại Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW không được cụ thể hóa ở mức độ phù hợp trong Nghị định này.

+ Nghị định tiếp tục không có quy định chung về các tiêu chí, yêu cầu đối với đề xuất hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp

d) *Tác động về thủ tục hành chính*

Không có tác động về thủ tục hành chính do các quy định của Nghị định 113/2014/NĐ-CP được giữ nguyên.

e) *Tác động về giới*

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

2.4.2. Giải pháp 2

a) *Tác động kinh tế*: Giúp cho các cơ quan, tổ chức nắm được các nguyên tắc, yêu cầu cần phải đáp ứng khi xây dựng đề xuất hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp từ đó các cơ quan, tổ chức thực hiện bài bản, chính xác, không mất thời gian để chỉnh sửa, giảm các chi phí, tiết kiệm nguồn nhân lực khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

b) *Tác động xã hội*

- Tích cực: Các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được hoàn thiện; các tiêu chuẩn, yêu cầu cần phải có của các đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được quy định sẽ tạo ra cơ sở đầy đủ để các cơ quan, tổ chức cân nhắc, quyết định theo thẩm quyền việc thực hiện các hoạt động hợp tác. Các hoạt động hợp tác được triển khai thực hiện sẽ đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc, yêu cầu, định hướng của Đảng, quy định của pháp luật.

- Tiêu cực: Các cơ quan, tổ chức phải nghiên cứu, đánh giá kỹ các tiêu chuẩn, yêu cầu đã được quy định trong Nghị định trước khi xem xét quyết định đề xuất các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp. Quá trình trao đổi, đàm phán, thống nhất về các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp sẽ có thể bị kéo dài hơn, thậm chí có trường hợp sẽ không thể triển khai nếu không đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

c) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Tích cực:

+ Quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được hoàn thiện theo hướng cập nhật các nguyên tắc cơ bản được quy định tại các văn bản của Đảng về các hoạt động hợp tác quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nói riêng, trực tiếp là Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW.

+ Nghị định được bổ sung quy định về các tiêu chuẩn, yêu cầu cần phải có của các đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; đảm bảo các đề xuất được cân nhắc kỹ trước khi quyết định, góp phần giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

- Tiêu cực: không có.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*

Không có tác động về thủ tục hành chính, chính sách này chỉ hướng tới việc quy định về các thủ tục nội bộ trong cơ quan, tổ chức cần thực hiện trước khi quyết định và trong khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

e) *Tác động về giới*

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

2.5. Kiến nghị giải pháp được lựa chọn

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu có được cơ chế pháp lý hoàn thiện hơn về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp lựa chọn ***Giải pháp 2***, quy định theo hướng: bổ sung quy định về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; bổ sung quy định về các yêu cầu cần phải có của các đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

3. Chính sách 3: Cụ thể hóa quy định về xin ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành đối với 3 hình thức hợp tác để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và tính chất đặc thù của các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Kết quả rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 113/2014/NĐ-CP thời gian qua cho thấy việc xin ý kiến Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan đối với văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật chưa được thực hiện thống nhất. Nghị định số 113/2014/NĐ-CP quy định về việc lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với việc phê duyệt các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về pháp luật, cho ý kiến, cho phép tổ

chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng vốn viện trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và Quyết định 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam lại chỉ quy định quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan mà không xác định cụ thể các cơ quan có liên quan gồm những cơ quan nào. Do đó, việc thực hiện lấy ý kiến Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan theo Nghị định 113/2014/NĐ-CP chưa thống nhất, phụ thuộc vào nhận thức của từng cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Nghị định số 113/2014/NĐ-CP cũng chỉ quy định việc lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật, mà chưa quy định trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan khác cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an ninh quốc gia, các vấn đề về quốc phòng, quân sự, đối ngoại như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (đối với những hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật liên quan đến quân sự, quốc phòng hoặc được triển khai ở các khu vực biên giới, cửa khẩu và các khu vực trọng điểm khác về quốc phòng), Bộ Ngoại giao.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nhất là những yêu cầu về đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa các vấn đề phức tạp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành pháp luật đối với triển khai thực hiện quy định xin ý kiến các cơ quan có liên quan trong quy trình phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp nhằm đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định được rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi quyết định thực hiện.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

Giải pháp 2: Cụ thể hóa quy định về lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trong quy trình phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành trên cơ sở tính đến tính đặc thù về mức độ nhạy cảm của các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

3.4. Đánh giá tác động của chính sách

3.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động kinh tế

- Tích cực: quy định như Nghị định số 113/2014/NĐ-CP hiện nay không làm phát sinh thêm các chi phí về quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp (bao gồm các chi phí mà cơ quan, tổ chức phải bỏ ra để thực hiện thủ tục xin ý kiến trước khi thực hiện hoạt động hợp tác, chia sẻ kết quả hoạt động sau khi thực hiện; các chi phí mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải bỏ ra để quản lý việc thực hiện các hoạt động đó như đào tạo, tập huấn, kiểm tra,...).

- Tiêu cực: không.

b) Tác động xã hội

- Tích cực: Giữ được sự ổn định trong việc triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành, không cần nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định được bổ sung trong Nghị định mới.

- Tiêu cực:

+ Các quy định xin ý kiến các cơ quan có liên quan của pháp luật chuyên ngành về phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế không được thực hiện thống nhất, thậm chí là tùy tiện theo nhận thức và cách áp dụng pháp luật của từng cơ quan, tổ chức.

+ Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng (trong một số trường hợp) không được tiếp cận, tham gia ý kiến đối với dự thảo văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, Đề án tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, dự thảo thỏa thuận quốc tế, dẫn đến khả năng phát sinh tình huống trong đó các cơ quan có thẩm quyền quyết định các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật không có được cái nhìn đa chiều, toàn diện, ảnh hưởng nhất định đến tính đúng đắn và hợp lý của việc quyết định thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế đó.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật.

- Tiêu cực: Nghị định không quy định được các thủ tục đặc thù mà các cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cần tuân thủ một cách thống nhất trên cơ sở cụ thể hóa các quy định có liên quan. Từ đó dẫn đến khả năng có trường hợp không đảm bảo các yêu cầu phòng

ngừa bị tác động tiêu cực phát sinh từ các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*

Không có tác động do giữ nguyên các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

e) *Tác động về giới*

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

3.4.2. Giải pháp 2

a) *Tác động kinh tế*

- Tích cực: không.

- Tiêu cực: phát sinh thêm các chi phí quản lý hành chính nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp (bao gồm các chi phí mà cơ quan, tổ chức phải bỏ ra để thực hiện thủ tục xin ý kiến trước khi thực hiện hoạt động hợp tác, chia sẻ kết quả hoạt động sau khi thực hiện; các chi phí mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải bỏ ra để quản lý việc thực hiện các hoạt động đó như đào tạo, tập huấn, kiểm tra,...). Tuy nhiên, so với các lợi ích mà quy định bổ sung mang lại thì các chi phí về quản lý hành chính phải bỏ ra là hoàn toàn xứng đáng.

b) *Tác động xã hội*

- Tích cực:

+ Các quy định xin ý kiến các cơ quan có liên quan của pháp luật chuyên ngành về phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế được thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn quốc, khắc phục được tình trạng phụ thuộc vào nhận thức và cách áp dụng pháp luật của từng cơ quan, tổ chức như hiện nay.

+ Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng (trong một số trường hợp) phát huy được vai trò, chức năng của mình thông qua việc nghiên cứu, cho ý kiến đối với dự thảo văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, Đề án tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, dự thảo thỏa thuận hợp tác, góp phần cung cấp thêm thông tin, trường hợp cần thiết đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo để cơ quan có thẩm quyền quyết định các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật có được cái nhìn đa chiều, toàn diện, từ đó có quyết định đúng đắn và hợp lý về việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

- Tiêu cực: các cơ quan, tổ chức khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định sẽ phải thực hiện các quy định về xin phép hoặc xin ý kiến trước khi quyết định ký

kết thỏa thuận quốc tế, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Do đó, cần dành nhiều thời gian, nguồn lực hơn cho công tác chuẩn bị, thực hiện các thủ tục cần thiết trước khi quyết định và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Các quy định xin ý kiến các cơ quan có liên quan của pháp luật chuyên ngành về phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế sẽ được quy định trong Nghị định tạo cơ sở cho việc thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

- Tiêu cực: tạo ra sự thay đổi trong hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp dẫn đến việc các cơ quan, tổ chức sẽ gặp khó khăn trong thời gian đầu thực hiện các quy định mới. Tuy nhiên, sau khi đã có nghiên cứu, tìm hiểu thì việc thực hiện các quy định mới sẽ đơn giản, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

+ Các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp này cần thực hiện thêm thủ tục xin ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng (trong một số trường hợp) theo quy định của Nghị định này khi triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Đây cũng không phải là một quy trình mới, thủ tục mới, về bản chất các quy định pháp luật hiện hành đã quy định cần phải xin ý kiến các cơ quan liên quan, tức là các quy định hiện hành đã dự liệu và dành cho pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể cơ quan có liên quan là cơ quan nào để phù hợp với thực tiễn.

d) Tác động về thủ tục hành chính

- Trên thực tế, thủ tục xin ý kiến các cơ quan có liên quan trong quá trình phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế đều đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành về quản lý, sử dụng vốn ODA, viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế; tuy nhiên quy định thuộc loại quy phạm tùy nghi, trong đó các cơ quan, tổ chức chủ động xác định các cơ quan có liên quan để xin ý kiến. Với chính sách mà Nghị định đang đề xuất quy định, “các cơ quan có liên quan” này sẽ được xác định cụ thể là những cơ quan nào và cơ quan, tổ chức khi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định có trách nhiệm phải xin ý kiến theo đúng quy định. Do vậy, về bản chất thì quy định mới này không tạo ra thủ tục hành chính đúng nghĩa theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính.

- Riêng đối với việc xin ý kiến văn kiện dự án, phi dự án, do đặc thù về tính chất nhạy cảm của hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp, nhiều hoạt động hợp tác trong lĩnh vực này không có sự tiếp nhận tài chính mà chỉ có sự trao đổi chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm, do đó, chính sách này sẽ không áp dụng trường hợp loại trừ đối với các phi dự án có mức ngân sách hỗ trợ dưới 200.000 USD như quy định của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP hiện nay. Hơn nữa, quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP là quy định không bắt buộc, mang tính tùy nghi nên trên thực tế đối với các dự án, phi dự án có giá trị dưới 200.000 USD các cơ quan chủ quản vẫn thực hiện việc xin ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi quyết định theo thẩm quyền. Quy định này có thể làm tăng thêm trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục xin ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án theo thẩm quyền. Tuy nhiên, sẽ đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu phòng ngừa, ngăn chặn những tác động tiêu cực có thể xảy ra trong hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

e) Tác động về giới

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

3.5. Kiến nghị giải pháp được lựa chọn

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu có được cơ chế pháp lý hoàn thiện hơn về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp lựa chọn ***Giải pháp 2***, quy định theo hướng: các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xin ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng (đối với những hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật liên quan đến quân sự, quốc phòng hoặc được triển khai ở các khu vực biên giới, cửa khẩu và các khu vực trọng điểm khác về quốc phòng) trong quy trình phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, đàm phán ký kết thỏa thuận quốc tế.

4. Chính sách 4: Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp liên quan đến thể chế chính sách, có tầm ảnh hưởng và tác động sâu rộng, nhất là đối với tư duy và nhận thức của đội ngũ những người làm công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Hoạt động này có thể tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, nguy cơ tác động vào thể chế chính sách nếu không có sự tham gia quản lý chặt chẽ, toàn diện bởi các cơ quan có thẩm quyền khác nhau. Thực tiễn cho thấy, các cơ quan có thẩm

quyền quản lý về an ninh, trật tự, đối ngoại đã áp dụng và thường xuyên khuyến cáo nhiều biện pháp khác nhau để đảm bảo hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được đúng hướng, phòng ngừa được những tác động không mong muốn. Trong khi đó, Nghị định số 113/2014/NĐ-CP mặc dù đã quy định trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh nhưng chưa cụ thể, rõ ràng, do đó vẫn còn nhiều trường hợp chưa phát huy hết trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đó. Mặt khác, các quy định này chỉ được xác định trên cơ sở quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý, sử dụng viện trợ nước ngoài (bao gồm viện trợ hỗ trợ phát triển chính thức và viện trợ phi chính phủ nước ngoài); chưa được thiết kế phù hợp với thực tiễn thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật với những yêu cầu đặc thù đối với các cơ quan, tổ chức trong tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động từ khâu vận động, đề xuất, tham mưu, phê duyệt, thực hiện, đánh giá và quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp theo yêu cầu của Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, tại điểm b, khoản 1 Điều 3 đã xác định rõ các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu, trong đó có nhiệm vụ hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với các bộ, cơ quan ngang bộ đối với lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, đảm bảo phân cấp hợp lý, phát huy cao nhất trách nhiệm của các cơ quan trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; hoàn thiện quy định về trách nhiệm của một số Bộ đặc thù trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp như Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

Giải pháp 2: Thực hiện phân cấp và đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cơ sở quy định của Luật Điều ước quốc tế, Luật Thỏa thuận quốc tế, Luật an ninh quốc gia, các nghị định về quản lý và sử dụng viện trợ, nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, các nghị định khác có liên quan và yêu cầu tăng cường trách nhiệm của cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW, bao gồm cả

việc hoàn thiện quy định về trách nhiệm của một số Bộ đặc thù trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp như Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng. Cụ thể:

Bộ Công an với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm về các vấn đề an ninh trật tự, bảo vệ chính trị nội bộ sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo các vấn đề về an ninh, trật tự trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định của Luật an ninh quốc gia, Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18/5/2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và các quy định có liên quan.

Bộ Ngoại giao với vai trò là cơ quan tham mưu, dự báo chiến lược về đối ngoại, quản lý nhà nước về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế sẽ chịu trách nhiệm đánh giá về sự phù hợp với đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đánh giá về các đối tác nước ngoài.

Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan quản lý về xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật sẽ chịu trách nhiệm đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp và sự phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp của nội dung các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Ngoài ra, để thực thực hiện nhiệm vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp và pháp luật trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp hàng năm; thực hiện hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ, đôn đốc, kiểm tra (bao gồm cả tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành), thanh tra về việc thực hiện các quy định về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý, cho phép các đơn vị, tổ chức trực thuộc mình thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, báo cáo việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đối với các cơ quan, tổ chức trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước theo lĩnh vực/ngành/địa phương theo quy định của pháp luật có liên quan.

4.4. Đánh giá tác động của chính sách

4.4.1. Giải pháp 1

- a) *Tác động kinh tế: không có*
- b) *Tác động xã hội*

- Tích cực: Giải pháp này tạo ra sự ổn định. Các cơ quan thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp như quy định hiện hành.

- Tiêu cực: Việc giữ nguyên các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP sẽ dẫn đến:

+ Ảnh hưởng tới sự tham gia của các cơ quan Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng trong công tác phòng ngừa các nguy cơ, tác động không mong muốn trong thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

+ Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương trong hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp tiếp tục bị hạn chế trong phạm vi quản lý, sử dụng viện trợ nước ngoài (bao gồm viện trợ hỗ trợ phát triển chính thức và viện trợ ngoài ODA).

+ Nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật cải cách tư pháp được xác định tại điểm b, khoản 1 Điều 3 - Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ không được thực hiện.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không tạo ra sự xáo trộn, thay đổi trong hệ thống các quy định của pháp luật.

- Tiêu cực:

+ Nghị định không quy định về trách nhiệm của các Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

+ Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương không được quy định đầy đủ và chưa đáp ứng được yêu cầu phân cấp trong quản lý nhà nước đối với hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Không có tác động do giữ nguyên các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

e) Tác động về giới

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

4.4.2. Giải pháp 2

a) *Tác động kinh tế*

- Tích cực: Giải pháp này giúp thực hiện được nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với các bộ, cơ quan ngang bộ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp mà Nghị quyết số 04/NQ-CP đã đặt ra; góp phần giảm chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Tiêu cực: không.

b) *Tác động xã hội*

- Tích cực: Phát huy trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp theo yêu cầu của Kết luận số 73-KL/TW, nâng cao chất lượng công tác phòng ngừa các nguy cơ, tác động không mong muốn trong thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

- Tiêu cực: Các bộ, ngành cần nghiên cứu kỹ quy định của Nghị định để thực hiện theo các nhiệm vụ đã được sửa đổi, bổ sung. Khối lượng công việc của các cơ quan tham mưu về hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp của các Bộ, ngành sẽ tăng lên, tạo thêm gánh nặng công việc và trách nhiệm cho các cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ.

c) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Tích cực:

+ Bổ sung và hoàn thiện quy định của Nghị định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

+ Quy định của Nghị định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hoàn thiện theo hướng tăng cường trách nhiệm trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao.

- Tiêu cực: không.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*

Không có tác động về thủ tục hành chính do chính sách này chỉ hướng tới phân cấp hợp lý phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật, cải cách tư pháp.

e) *Tác động về giới*

Giải pháp này không làm thay đổi các vấn đề tác động về giới.

4.5. Kiến nghị giải pháp được lựa chọn

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích của các giải pháp thực hiện chính sách và trên cơ sở đảm bảo mục tiêu có được cơ chế pháp lý hoàn thiện hơn về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp lựa chọn **Giải pháp 2**, quy định theo hướng: sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, bao gồm cả hoàn thiện quy định về trách nhiệm của một số Bộ đặc thù trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp như Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng; đảm bảo phân cấp hợp lý, phát huy cao nhất trách nhiệm của các cơ quan trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Ngoài 4 chính sách lớn như đã đánh giá ở trên, Nghị định còn có một số sửa đổi khác để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, minh bạch và khả thi của Nghị định như: Bổ sung quy định về giải thích từ ngữ, áp dụng pháp luật liên quan; sửa đổi quy định về chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, thời hạn gửi báo cáo.

III. LẤY Ý KIẾN

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến các chuyên gia, thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến nhận được.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm về tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, HTQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Khánh Ngọc